TÒA ÁN NHÂN DÂNCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT Độc lập -Tự do - Hạnh phúc
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Bản án số: **21**/2024/LĐ-ST
Ngày: 30/9/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Minh Lý - Cán bộ hưu trí.

2. Ông Hoàng Minh Tuấn - Chuyên viên Liên đoàn Lao động thành phố Thủ Dầu Một.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 45/2024/TLST- LĐ ngày 25 tháng 7 năm 2024 về việc "tranh chấp về Bảo hiểm xã hội" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2024/QĐST- LĐ ngày 09/9/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1971, địa chỉ: ấp L, xã L, huyện P, tỉnh An Giang; địa chỉ tạm trú: Tổ H, khu phố B, phường H, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Bị đơn: Công ty TNHH MTV C (viết tắt Công ty C); địa chỉ: Tầng E, Tòa nhà B, B Đại lộ B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. SĐT: 0274.3803766.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Phan Ngọc H1, sinh năm 2001; địa chỉ: Tầng E, Tòa nhà B, B Đại lộ B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Giấy ủy quyền số 07 ngày 26/8/2024).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bảo hiểm xã hội tỉnh B; địa chỉ: số A, đường L, Khu phố B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của Bảo hiểm xã hội tỉnh B: Ông Nguyễn Thắng L, sinh năm 1981, địa chỉ: Số A, đường L, Khu phố B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, chức vụ: Phó Trưởng phòng Thanh tra - Kiểm tra Bảo hiểm xã hội tỉnh B, là người đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hội tỉnh B (Giấy ủy quyền ngày 23/9/2024), có đơn vắng mặt.

NHẬN THẤY:

- Tại Đơn khởi kiện đề ngày 27/6/2024, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông H làm việc tại Công ty C từ tháng 6/2020. Khi làm việc có ký hợp đồng lao động và được tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) từ tháng 6/2020 trên mã bảo hiểm xã hội số 0206044401.

Ngày 02/5/2024, ông H chính thức nghỉ việc theo Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 10001461-2024/QĐTV-VP. Tuy nhiên, đến nay công ty vẫn chưa chốt sổ BHXH cho ông H. Theo ghi nhận trên ứng dụng Bảo hiểm xã hội (VSSID), công ty đang có thời gian chậm đóng bảo hiểm cho ông H là 04 tháng.

Được biết, theo quy định tại khoản 72 Điều 1 Quyết định số 505/QĐ-BHXH ngày 27/3/2020 của B: "*Đối với đơn vị nợ tiền đóng BHXH, BHTN, BHTNLĐ, BNN nếu người lao động đủ điều kiện hưởng BHXH hoặc chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc thì đơn vị có trách nhiện đóng đủ BHXH, BHTN, BHTNLĐ, BNN bao gồm cả tiền lãi chậm đóng theo quy định, cơ quan BHXH xác nhận sổ BHXH để kịp thời giải quyết chế độ BHXH, BHTN cho người lao động*". Tại điểm a khoản 3 Điều 16 Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ quy định: "*Đối với trường hợp chấm dứt hợp đồng lao động tại đơn vị nợ BHXH, thì người lao động và đơn vị sử dụng lao động được đóng bù BHXH riêng cho trường hợp đó để giải quyết quyền lợi BHXH, cũng như chuyển nơi tham gia BHXH khi chấm dứt hợp đồng lao động*". Tuy nhiên, công ty không thực hiện đóng và chốt số BHXH cho ông H theo những quy định trên.

Nhận thấy việc công ty không đóng BHXH, BHTN, không hoàn thành thủ tục xác nhận thời gian đóng BHXH, BHTN cho ông H là vi phạm quy định tại Điều 17 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 về các hành vi bị nghiêm cấm, vi phạm điểm a, khoản 3 Điều 48 Bộ luật Lao động năm 2019 về trách nhiệm khi chấm dứt hợp đồng lao động.

Do đó, ông H khởi kiện Công ty C, yêu cầu Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một buộc Công ty C đóng đủ BHXH, BHTN (từ tháng 01/2024 đến tháng 04/2024) cho ông H và hoàn thành thủ tục xác nhận thời gian đóng BHXH, BHTN cho ông H.

Nguyên đơn giao nộp các tài liệu, chứng cứ sau: *Sổ Bảo hiểm xã hội + Tờ rời quá trình đóng bảo hiểm xã hội của ông H (bản photo chứng thực); Quyết định chấm*

dứt hợp đồng lao động ngày 10001461-2024/QĐTV-VFP ngày 02/5/2024 của Công ty C (bản chứng thực); CCCD của ông H (bản chứng thực) và Đơn đề nghị xét xử vắng mặt của ông H (bản chính).

- Tại Bản tự khai trình bày ý kiến ngày 30/8/2024, đại diện bị đơn bà Nguyễn Phan Ngọc H1 trình bày:

Công ty C có mã số thuế 3702813604, địa chỉ tại Tầng E, Tòa nhà B, B Đại lộ B, phường P, TP ., tỉnh Bình Dương, hoạt động với ngành nghề chính là giết mổ gia cầm. Ông Nguyễn Văn H làm việc tại Công ty C từ ngày 08/6/2020 đến ngày 02/5/2024 thông qua các Hợp đồng lao động ký ngày 08/6/2020, ngày 09/6/2021 và ngày 10/6/2023 với chức danh công nhân sản xuất.

Sau khi nhận được đơn xin nghỉ việc của ông H, Công ty C đã ban hành Quyết định số 10001461-2024/QĐTV-VFP ngày 02/5/2024 về việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông H. Tuy nhiên, tháng 4/2024, ông H xin nghỉ không lương nên Công ty C không đóng bảo hiểm tháng này cho ông H. Như vậy, thời gian tham gia BHXH khi làm việc tại Công ty C của ông H từ tháng 6/2020 - tháng 3/2024.

Về nghĩa vụ đóng bảo BHXH, bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm y tế, ("BHYT") và bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (BHTNLD&BNN"), theo bảng chi tiết kết quả đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ&BNN ngày 01/8/2024 của Bảo hiểm xã hội tỉnh B xác nhận, Công ty C đã đóng bảo hiểm xã hội đến tháng 11/2023, đã đóng bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp đến tháng 02/2024. Như vậy, Công ty C chưa đóng tiền BHXH cho ông H từ tháng 12/2023 đến tháng 03/2024 với số tiền là 8.442.487 đồng.

Lý do Công ty C chậm đóng tiền BHXH cho người lao động đối với thời gian nêu trên là do Công ty C gặp nhiều khó khăn trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh dẫn đến thua lỗ kéo dài. Sau khoảng thời gian dài tìm cách khắc phục để hồi phục sản xuất như giảm quy mô, công suất giết mổ, cắt giảm nhân sự.... nhưng tình hình vẫn không khả quan. Cho đến cuối tháng 5/2024, Công ty C đã chính thức đóng cửa nhà máy G tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, ngừng toàn bộ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và đang chờ thực hiện thủ tục giải thể hoặc phá sản doanh nghiệp. Công ty C đang cố gắng sắp xếp thanh toán các nghĩa vụ tài chính cho người lao động, các cơ quan Nhà nước và nhà cung cấp. Tuy nhiên, vì ngưng hoạt động kinh doanh nên Công ty C hiện tại không có doanh thu, dòng tiền để thanh toán các khoản nợ.

Theo quy định của C1, Công ty C không được đóng tiền BHXH cho cơ quan bảo hiểm xã hội đối với từng cá nhân nghỉ việc mà phải đóng tiền BHXH đối với toàn bộ người lao động làm việc tại công ty. Tính đến tháng 7/2024, tổng số tiền Công ty C chưa đóng cho cơ quan Bảo hiểm xã hội là 910.767.562 đồng. Số tiền này quá lớn so với tình hình tài chính hiện tại của công ty nên Công ty C không thể ngay

lập tức hoàn thành nghĩa vụ đóng tiền BHXH cho cơ quan bảo hiểm đối với người lao động.

Vì vậy, đối với yêu cầu khởi kiện của ông H, Công ty C có ý kiến như sau: Công ty C đã đóng BHTN, BHYT, BHTNLĐ&BNN đến tháng 02/2024 nên Công ty C xác nhận chỉ còn chưa đóng BHXH cho ông H từ tháng 12/2023 đến tháng 3/2024, chưa đóng BHTN, BHYT, BHTNLĐ&BNN tháng 3/2024 với số tiền là 8.422.487 đồng. Công ty C sẽ cố gắng sắp xếp để hoàn thành nghĩa vụ sớm cho ông H trong thời gian tới. Sau khi thanh toán hoàn tất tiền BHXH, Công ty C sẽ tiến hành thủ tục xác nhận thời gian đóng BHXH, BHTN và bàn giao tờ rời cho ông H theo đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn giao nộp các tài liệu, chứng cứ sau: *Giấy ủy quyền số 07 ngày 26/8/2024 của Công ty C cho bà H1 (bản chính); Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty C (bản công chứng); Chi tiết kết quả đóng bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN, BHTNLĐ, BNN tháng 7/2024 ngày 01/8/2024 của Bảo hiểm xã hội tỉnh đối với công ty C (bản scan);Hợp đồng lao động ngày 08/6/2020, ngày 09/6/2021 và ngày 10/6/2023 giữa Công ty C và ông H; Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 30/8/2024 của bà H1 (bản chính)*

- Tại Công văn số 1999/BHXH-TST ngày 18/9/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh B trình bày:

Sau khi rà soát dữ liệu quản lý, BHXH tỉnh B trả lời như sau: Ông Nguyễn Văn H, sinh ngày: 01/01/1971, số CCCD 0890710580, mã số BHXH: 0206044401 tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp tại Công ty C theo Hợp đồng lao động số 10001461-2020/HDLD-VFP, hồ sơ điện tử số: 100355/2020/074 nộp cho cơ quan BHXH ngày 26/06/2020, quá trình tham gia như sau:

+ Từ tháng 6/2020 - 8/2020, chức danh công nhân sản xuất, mức đóng 4.730.000 đồng, lương chính 4.730.000 đồng, phụ cấp lương không có.

+ Từ tháng 9/2020 - 02/2022, chức danh công nhân sản xuất, mức đóng 7.496.650 đồng, lương chính 7.496.650 đồng, phụ cấp lương không có.

+ Từ tháng 3/2022 - 3/2024, chức danh công nhân sản xuất, mức đóng 7.871.483 đồng, lương chính 7.871.483 đồng, phụ cấp lương không có.

Công ty đã báo giảm hẳn cho ông H theo Quyết định nghỉ việc số 10001461/VIETSWAN/2024, hồ sơ điện tử số: 62252/2024/074 nộp ngày 22/5/2024 báo giảm từ tháng 05/2024, cơ quan BHXH chưa xác nhận sổ BHXH cho ông H do đơn vị chưa thanh toán tiền BHXH đến tháng 4/2024. Số tiền nợ tính riêng cho ông H là 10.497.920 đồng (bao gồm cả tiền lãi chậm đóng) số tháng nợ là 4 tháng.

BHXH tỉnh Bình Dương giao nộp các tài liệu, chứng cứ sau: *Công văn số 1999/BHXH-TST ngày 18/9/2024 của Bảo hiểm xã hội tỉnh B (bản chính); Giấy ủy*

ngày 23/9/2024 của Bảo hiểm xã hội tỉnh B cho ông Nguyễn Thắng L (bản chính); Bảng tạm tính số tiền phải đóng xác nhận chốt sổ BHXH của đơn vị nợ tính đến tháng 8/2024 của BHXH tỉnh B (bản in) và Đơn đề nghị được vắng mặt của ông L ngày 23/9/2024 (bản chính).

Tại phiên tòa,

- Các đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa xét xử vắng mặt các đương sự.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại điểm d khoản 1 Điều 32 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn có trụ sở tại thành phố T, tỉnh Bình Dương nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một (quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự). Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có yêu cầu Tòa án áp dụng quy định thời hiệu khởi kiện nên Tòa án không nhận định về thời hiệu khởi kiện, xác định tranh chấp này thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và đại diện bị đơn trình bày thống nhất nhau về hợp đồng lao động được ký kết giữa ông H và Công ty C, về thời gian ông H làm việc, nghỉ việc tại Công ty C, về thời gian chưa đóng bảo hiểm xã hội. Sự thừa nhận, thống nhất trên là tình tiết không cần phải chứng minh quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại Văn bản số 1999/BHXH-TST ngày 18/9/2024, Bảo hiểm xã hội tỉnh B thông tin cho Tòa án như sau: "*Công ty C đã báo giảm hẳn cho ông H theo Quyết định nghỉ việc số 10001461/VIETSWAN/2024, hồ sơ điện tử số: 62252/2024/074 nộp ngày 22/5/2024 báo giảm từ tháng 05/2024, cơ quan BHXH chưa xác nhận sổ BHXH cho ông H do đơn vị chưa thanh toán tiền BHXH đến tháng 4/2024. Số tiền nợ tính riêng cho ông H là 10.497.920 đồng (bao gồm cả tiền lãi chậm đóng) số tháng nợ là 4 tháng*".

Tại Bảng tạm tính số tiền phải đóng xác nhận chốt sổ BHXH của đơn vị nợ tính đến tháng 8/2024, Bảo hiểm xã hội tỉnh B liệt kê số tiền Công ty C phải đóng của

ông H từ tháng 12/2023 - 3/2024 như sau: Tiền BHXH: 7.871.484 đồng, tiền BHYT: 1.416.868 đồng, tiền BHTN: 629.720 đồng, tiền BHTNLĐ&BNN: 157.428 đồng. Tổng cộng: 10.075.500 đồng.

Tiền lãi Công ty C phải đóng từ tháng 12/2023 - 8/2024 như sau: Tiền lãi BHXH: 314.308 đồng, tiền lãi BHYT: 76.680 đồng, tiền lãi BHTN: 25.146 đồng, tiền lãi BHTNLĐ&BNN: 6.286 đồng. Tổng cộng: 422.420 đồng.

Theo quy định tại Điều 21 của Luật Bảo hiểm xã hội, trách nhiệm của người sử dụng lao động phải đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động. Quá trình giải quyết vụ án, Công ty C thừa nhận do tình hình kinh tế khó khăn nên công ty chưa đóng bảo hiểm xã hội của ông H từ tháng 12/2023 đến tháng 3/2024. Do đó, có căn cứ buộc Công ty C đóng số tiền BHXH và tiền lãi nêu trên của ông H cho Bảo hiểm xã hội tỉnh B.

Kể từ tháng 9/2024 trở đi, Công ty C tiếp tục đóng tiền lãi trên số tiền chưa đóng BHXH nêu trên theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

Công ty C có trách nhiệm phối hợp với cơ quan bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội cho ông H theo quy định tại khoản 5 Điều 21 của của Luật Bảo hiểm xã hội. Trường hợp Công ty C chậm hoặc không đóng đủ BHXH của ông H, ông H có quyền yêu cầu Bảo hiểm xã hội tỉnh B xác nhận sổ BHXH đến thời điểm Công ty C đã đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp cho ông H theo quy định tại điểm 1, 2 khoản 1 Điều 46.96 Văn bản hợp nhất số 2089/VBHN-BHXH ngày 26/6/2020 của B.

[3] Từ những nhận định trên, xét thấy ý kiến phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí lao động sơ thẩm: Công ty C phải chịu án phí đối với số tiền BHXH phải đóng cho Bảo hiểm xã hội tỉnh B.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 70, 71, 91, 92, 95, 147 244, 266, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các điều 6, 48, 168 của Bộ luật Lao động năm 2019;

- Căn cứ các điều 18, 21, 23, 86 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 ;

- Căn cứ điểm 1, 2 khoản 1 Điều 46.96 Văn bản hợp nhất số 2089/VBHN-BHXH ngày 26/6/2020 của B;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H đối với bị đơn Công ty C về việc tranh chấp về bảo hiểm xã hội.

Buộc Công ty C đóng bảo hiểm xã hội của ông H từ tháng 12/2023 - tháng 3/2024 như sau: Tiền bảo hiểm xã hội: 7.871.484đ (bảy triệu, tám trăm bảy mươi mốt ngàn, bốn trăm tám mươi bốn đồng), tiền bảo hiểm y tế: 1.416.868đ (một triệu, bốn trăm mười sáu ngàn, tám trăm sáu mươi tám đồng), tiền bảo hiểm thất nghiệp: 629.720đ (sáu trăm hai mươi chín ngàn, bảy trăm hai mươi đồng), tiền bảo hiểm tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp: 157.428đ (một trăm năm mươi bảy ngàn, bốn trăm hai mươi tám đồng) và tiền lãi tính từ tháng 12/2023 - 8/2024 trên số tiền phải đóng BHXH nêu trên là 422.420đ (bốn trăm hai mươi hai ngàn, bốn trăm hai mươi đồng). Tổng cộng: 10.497.920đ (mười triệu, bốn trăm chín mươi bảy ngàn, chín trăm hai mươi đồng).

Kể từ tháng 9/2024 trở đi, Công ty C tiếp tục đóng tiền lãi trên số tiền chưa đóng BHXH nêu trên theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

Trường hợp Công ty C chậm hoặc không đóng đủ BHXH của ông H, ông H có quyền yêu cầu Bảo hiểm xã hội tỉnh B xác nhận sổ BHXH đến thời điểm Công ty C đã đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp cho ông H để giải quyết chế độ bảo hiểm cho ông H theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

2. Về án phí lao động sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn H thuộc trường hợp được miễn tạm ứng án phí.

Công ty C chịu số tiền 315.000đ (ba trăm mười lăm ngàn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án này theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Bình